

# Sự tác động của nhóm lợi ích đến thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế

Nguyễn Thị Lan Hương \*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích sự chi phối của nhóm lợi ích đến việc thực hiện công bằng xã hội (CBXH) đối với các thành phần kinh tế (TPKT) tại Việt Nam hiện nay. Sự chi phối của nhóm lợi ích đến thực hiện CBXH đối với các TPKT biểu hiện trong các lĩnh vực như đất đai, tài chính, tiền tệ, đầu tư... Từ những phân tích về sự chi phối của nhóm lợi ích đến thực hiện CBXH đối với các TPKT, bài viết cũng chỉ ra một số nguyên nhân chủ yếu của tình trạng đó, đồng thời gợi ý một số giải pháp nhằm hạn chế và tiến tới loại bỏ sự chi phối của nhóm lợi ích đến việc thực hiện CBXH đối với các TPKT.

**Từ khóa:** Lợi ích nhóm, nhóm lợi ích, công bằng xã hội, bình đẳng về cơ hội, thành phần kinh tế.

## 1. Mở đầu

Sự tác động của nhóm lợi ích đến việc thực hiện CBXH đối với các TPKT là một hiện tượng cần được quan tâm. Nghiên cứu mối quan hệ này không chỉ có tầm quan trọng về mặt lý luận mà còn đáp ứng những đòi hỏi bức xúc từ thực tiễn, nhất là trong bối cảnh đất nước ta đang bước vào công cuộc cải cách sâu rộng nền kinh tế. Thực tế cho thấy, một nền kinh tế đa thành phần chỉ có thể phát triển lành mạnh và mang lại những hiệu quả kinh tế - xã hội to lớn khi các TPKT được đối xử một cách công bằng. Chính vì thế, việc xem xét, khảo cứu sự chi phối của nhóm lợi ích đến thực hiện CBXH đối với các TPKT của Việt Nam hiện nay là điều hết sức cần thiết.

## 2. Lợi ích nhóm và nhóm lợi ích

*Lợi ích nhóm* (group interest), hiểu một cách đơn giản nhất, là lợi ích của một tập

hợp, một nhóm người nào đó. Trên thực tế, lợi ích nhóm là khái niệm thường được sử dụng trong tương quan với hai khái niệm khác là lợi ích cá nhân và lợi ích toàn thể (lợi ích xã hội). Lợi ích nhóm thể hiện *quan hệ lợi ích* giữa cá nhân với nhóm người và toàn thể (xã hội). Vì thế, khi nghiên cứu sự chi phối của nhóm lợi ích đến thực hiện công bằng xã hội (CBXH) đối với các thành phần kinh tế (TPKT), chúng tôi sẽ tập trung nhiều hơn vào các quan hệ lợi ích - một trong những quan hệ quan trọng nhất của mỗi quan hệ giữa người và người trong xã hội.

Có nhiều cách phân loại lợi ích, tùy theo các tiêu chí và lĩnh vực hay chủ thể lợi ích mà người ta phân loại lợi ích thành: lợi ích

---

(\*) Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
ĐT: 0917946668. Email: lanhuong59lh@yahoo.com

kinh tế, lợi ích chính trị, lợi ích văn hóa, lợi ích chính đáng hay không chính đáng, lợi ích của người nông dân, lợi ích của người công nhân, lợi ích của người sản xuất, kinh doanh, lợi ích của nhà tư bản... Vì thế cũng tồn tại nhiều nhóm lợi ích trong xã hội.

Điều hòa mối quan hệ giữa các nhóm xã hội có vai trò tối quan trọng. Việc giải quyết không tốt các mối quan hệ lợi ích là nguồn gốc của những mâu thuẫn, bất ổn không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn trong tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Cách thức giải quyết các mâu thuẫn lợi ích có thể biến lợi ích thành động lực đối với thực hiện công bằng xã hội, phát triển xã hội hoặc ngược lại.

*Nhóm lợi ích* (interest group) là khái niệm không tách rời lợi ích nhóm. Nhóm lợi ích có thể được hiểu với nghĩa: *Thứ nhất*, nhóm lợi ích là *sự phân loại các lợi ích* có cùng tiêu chí. Chẳng hạn như nhóm lợi ích kinh tế hay nhóm lợi ích chính trị... *Thứ hai*, *nhóm lợi ích là các nhóm người cùng chung những lợi ích* đó. Các nhóm chủ thể lợi ích này có động cơ, phương thức hành động khác nhau song đều có chung mục tiêu là những lợi ích mà họ hướng đến.

### **3. Công bằng xã hội giữa các TPKT**

Thực hiện CBXH đối với các TPKT của Việt Nam hiện nay là một đòi hỏi cấp bách trong bối cảnh chúng ta đang hướng tới xây dựng một nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCH). Điều đó có nghĩa là phải xây dựng được nền kinh tế vận hành theo đúng các quy luật của KTTT, đồng thời không xa rời mục tiêu chủ nghĩa xã hội (CNXH). Để đạt được mục tiêu đó thì cần thực hiện tốt CBXH đối với

các TPKT. Thực hiện CBXH đối với các TPKT là thực hiện bình đẳng về cơ hội phát triển giữa các TPKT và thực hiện phân phối công bằng giữa các TPKT.

Bình đẳng giữa các TPKT về cơ hội được hiểu là *bình đẳng trong việc tiếp cận các cơ hội*, biểu hiện ra ở *quyền được tiếp cận, tham gia vào các hoạt động kinh tế*, cụ thể là quyền được sản xuất, kinh doanh những mặt hàng, lĩnh vực mà chủ thể kinh tế có khả năng miễn là không vi phạm luật; là việc *không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế* trong việc tiếp cận các nguồn lực. Các nguồn lực bao gồm nguồn lực tự nhiên và nguồn lực xã hội như: vốn, tài nguyên thiên nhiên, lao động, khoa học - công nghệ, hệ thống chính sách của Đảng và Nhà nước, trình độ dân trí, máy móc, hay các quan hệ quốc tế...

Thực hiện CBXH đối với các TPKT còn là thực hiện phân phối công bằng. Phân phối có hai nội dung là phân phối cái gì và phân phối theo nguyên tắc nào.

Nhà nước với chức năng điều tiết phải phân phối, dưới dạng phân bổ các nguồn lực (các loại vốn đất đai, tài nguyên, tiền, cơ sở hạ tầng...) một cách công bằng. Các chính sách kinh tế của Nhà nước phải đảm bảo quyền này. Bất công xuất hiện nếu chính sách, cơ chế và thể chế có sự thiên vị, ưu tiên đối với TPKT này và không ưu tiên đối với TPKT khác.

### **4. Sự tác động của nhóm lợi ích đến thực hiện CBXH đối với các TPKT**

Sự bất công trong kinh tế thể hiện rất đa dạng. Trước hết là sự bất công giữa TPKT này với TPKT khác, trong tiếp cận nguồn lực. Đó còn là bất công giữa các chủ thể

trong cùng một TPKT, (chẳng hạn giữa kinh tế tư nhân trong lĩnh vực lưu thông với kinh tế tư nhân trong lĩnh vực sản xuất), là *bất công ngay trong cùng một ngành nghề kinh doanh và sản xuất* (như trong trường hợp giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa với các doanh nghiệp lớn, hay các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với các doanh nghiệp tư nhân trong nước...).

Sự tác động của nhóm lợi ích đến tiếp cận và phân bổ nguồn lực biểu hiện rõ trong một số lĩnh vực như đất đai, tài nguyên thiên nhiên, vốn, khoa học - công nghệ.

Trong lĩnh vực đất đai, mặc dù các chính sách đầu tư đều khẳng định sự bình đẳng giữa các TPKT trong tiếp cận với đất đai, song trên thực tế doanh nghiệp nhà nước vẫn nhận được sự ưu tiên nhiều hơn các doanh nghiệp tư nhân. Nhưng khối kinh tế công nghiệp được tiếp cận các nguồn lực thuận lợi hơn và được hưởng nhiều ưu đãi hơn so với khối kinh tế nông nghiệp (các hộ kinh tế cá thể, những doanh nghiệp nông nghiệp). Ví dụ, trong hoạt động thu hồi đất cho dự án, tình trạng dự án treo khá phổ biến, điều đó đã dẫn đến làm tổn hại lợi ích của nông dân. Những mảnh đất “bờ xôi ruộng mật” để hoang hóa cho cỏ mọc, trong khi đó người nông dân thì không có ruộng để sản xuất. Số lượng lao động được thu nạp vào các khu công nghiệp là chưa tương xứng với những tổn hại mà cư dân tại những khu vực có dự án phải gánh chịu. Những lao động có được việc làm tại các nhà máy chủ yếu ở độ tuổi vàng, trong khi đó phần lớn những người đã qua tuổi này nhưng vẫn có khả năng đóng góp cho xã hội lại nhàn rỗi. Bên cạnh đó còn là những

hệ lụy môi trường mà con người và sinh vật ở những vùng có nhà máy phải gánh chịu.

Những hệ lụy đó có nguyên nhân ở sự ưu ái quá mức đối với một số TPKT. Nhiều doanh nghiệp vì lợi ích của mình tìm mọi cách có được dự án, có được đất đai bất chấp khả năng đầu tư hạn chế của họ. Đất đai trở thành tài sản tư nhân, thành một loại hàng hóa siêu lợi nhuận. Chỉ cần “chuyển giao”, lại cho người khác thì nhà đầu tư có thể thu về những món lợi nhuận khổng lồ.

Một số nhóm lợi ích trong chính cơ quan công quyền cũng giàu lên nhanh chóng bởi các món hoa hồng, bởi những lô đất mua rẻ để đón đầu dự án dưới mọi hình thức. Họ không chỉ mưu cầu lợi ích cho riêng họ mà còn cho những người thân, cho những người “cùng hội cùng thuyền” với họ. Những nhóm lợi ích này xâu xé tài nguyên đất nước và phương tiện sản xuất của người nông dân. Đó là sự bất công xã hội giữa các TPKT, ở đây người thiệt thòi là những hộ kinh tế cá thể, cụ thể là người nông dân mất đất đai.

*Trong tiếp cận nguồn vốn tiền tệ*, các chính sách tài chính - tiền tệ chưa thực sự tạo ra sự công bằng giữa các TPKT, cả từ phương diện ra chính sách và thực hiện chính sách. Chỉ những doanh nghiệp nhà nước mới được vay vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), cũng chỉ các doanh nghiệp nhà nước mới được phép vay hàng nghìn tỷ đồng mà không cần phải có những cam kết ràng buộc chặt chẽ về mặt pháp lý. Doanh nghiệp tư nhân trong cảnh khốn khó lại càng quẫn bách hơn khi ngân hàng đòi hỏi những điều kiện cho vay rất ngặt nghèo. Thậm chí một số cán bộ ngân hàng còn

những nhiều doanh nghiệp. Vụ giám đốc chi nhánh ngân hàng đầu tư (BIDV) Hải Phòng<sup>(1)</sup> phải ra trước vành móng ngựa là một ví dụ. Thế nhưng, khi vụ việc này được phanh phui thì doanh nghiệp cũng điều đứng vì bị các ngân hàng tẩy chay.

*Trong tiếp cận khoa học - công nghệ*, sự ưu ái đối với TPKT nhà nước thể hiện rất rõ ở chỗ việc duyệt cho vay vốn khá dễ dàng với các doanh nghiệp nhà nước. Trong khi đó, các TPKT ngoài nhà nước thì tự xoay sở, được hưởng rất ít các chính sách ưu đãi.

Trong lĩnh vực này, lợi ích nhóm len lỏi vào mọi cấp độ với mọi hình thức nhưng tất cả chỉ nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi ích của một nhóm xã hội. Việc các cơ sở công ích như bệnh viện, trường học mua thiết bị lạc hậu được tân trang lại trong y tế và nhiều ngành khác được báo chí phanh phui đã cho thấy sự câu kết có hệ thống của các nhóm lợi ích. Trên bình diện vĩ mô, sự độc quyền, chuyển giá, trốn thuế của một số doanh nghiệp FDI không chỉ gây thiệt hại, thất thu cho Nhà nước, mà còn đẩy sản xuất trong nước tới chỗ đình đốn và chết yểu.

Sự chi phối của các nhóm lợi ích đã góp phần tạo nên sự méo mó trong lĩnh vực phân phối. Khi tính đến những đóng góp và ưu đãi của các TPKT dường như người ta lờ đi những ưu đãi, thậm chí là quá mức, mà một số thành phần kinh tế được hưởng. Cốt lõi của kinh tế là tính hiệu quả, có nghĩa là sử dụng tốt nhất các nguồn lực, tạo ra nhiều giá trị nhất với một số lượng nguồn lực ít nhất. Thế nhưng, để biện minh cho sự lãng phí, kém hiệu quả của một số doanh nghiệp nhà nước, người ta lại cho rằng những doanh nghiệp kiều này phải thực hiện

vai trò xã hội, thực hiện nhiệm vụ chính trị bên cạnh việc thực hiện chức năng kinh tế là tạo ra lợi nhuận. Ở đây, vẫn tồn tại sự nhập nhằng về vai trò của kinh tế nhà nước và chức năng kinh tế của nhà nước. Chức năng kinh tế của nhà nước là quản lý, điều tiết nền kinh tế vĩ mô. Dĩ nhiên, nhà nước vẫn có những doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp này không đặt vấn đề lợi nhuận lên hàng đầu mà đặt vấn đề phục vụ xã hội lên hàng đầu. Đây là những doanh nghiệp được thành lập để thực hiện sản xuất, kinh doanh trong những lĩnh vực mà tư nhân không thể đảm đương được. Doanh nghiệp xã hội không phải là những tập đoàn lớn được hưởng quyền ưu đãi và khối lượng nguồn lực khổng lồ nhưng làm ăn kém hiệu quả.

Sự thất thoát, thua lỗ của một số “đầu

---

<sup>(1)</sup> Trong các ngày 28 và 29/5/2012, Tòa án nhân dân Tp. Hà Nội đã đưa các bị cáo Đoàn Tiến Dũng (SN 1956), nguyên phó tổng giám đốc BIDV và Trần Thị Thanh Bình (SN 1973), nguyên phó giám đốc BIDV Hải Phòng ra xét xử về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi”. Thời điểm năm 2008 - 2009, tình hình kinh tế chung của thế giới và Việt Nam đang bị suy thoái. Rất nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn khi xuất khẩu hàng hóa, trong khi đó tiền vay ngân hàng thì đến hạn trả nợ, nhưng không thể có vốn để trả. Trong bối cảnh đó, thời gian làm Giám đốc Ngân hàng BIDV Hải Phòng, Đoàn Tiến Dũng đã giải quyết cho Công ty cổ phần Dệt may xuất khẩu Hải Phòng và Công ty Trách nhiệm hữu hạn V.K Hải Phòng do ông Hoàng Văn Khánh làm Tổng Giám đốc, vay hơn 45 tỷ đồng, thông qua 2 hợp đồng tín dụng dài hạn bằng hình thức thế chấp tài sản. Lợi dụng khi doanh nghiệp đang rơi vào cảnh khó khăn, Đoàn Tiến Dũng luôn thúc ép công ty của ông Khánh phải trả nợ, nếu không sẽ phải chuyển nhượng tài sản để tất toán. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, Đoàn Tiến Dũng đã ép doanh nghiệp phải đưa tiền “bôi trơn”, sau đó mới chỉ đạo cấp dưới giải ngân. Đây là vụ án có những tình tiết đặc biệt khiến dư luận quan tâm bởi một mối quan hệ cũng rất đặc biệt: Doanh nghiệp và Ngân hàng...

tàu” kinh tế trong những năm qua có sự góp phần không nhỏ của tham nhũng thông qua sự thâm tóm của các nhóm lợi ích. Bản chất của những nhóm lợi ích này là đặt lợi ích của cá nhân, của một nhóm thiểu số lên trên lợi ích của xã hội. Những nhóm lợi ích này không chỉ trục lợi, gây thiệt hại lớn cho nền kinh tế mà còn làm gia tăng sự bất công giữa các TPKT. Ở đây những kẽ hở trong chính sách, trong thực thi chính sách và cả sự xuống cấp đạo đức của một số người là những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng đó.

### 5. Giải pháp khắc phục

Đến nay, những nỗ lực trong ổn định kinh tế vĩ mô (đặc biệt ổn định các thị trường then chốt như tiền tệ, bất động sản, vàng và chương trình tái cơ cấu nền kinh tế mạnh mẽ) cuộc đấu tranh chống tham nhũng đã góp phần hạn chế tình trạng tác động tiêu cực của các nhóm lợi ích đến nền kinh tế nói chung và đến việc thực hiện CBXH đối với các TPKT nói riêng. Tuy nhiên, tiến trình này cần phải được đẩy mạnh và triệt để hơn nữa. Trong bối cảnh chung đó, để hạn chế, tiến tới dẹp bỏ sự tác động tiêu cực của các nhóm lợi ích đến thực hiện CBXH đối với các TPKT, cần phải lưu ý một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, Nhà nước với chức năng quan trọng nhất là người “cầm trịch” quản lý, điều hành nền kinh tế vĩ mô phải tạo được sân chơi bình đẳng giữa các TPKT. Các chính sách của Nhà nước phải nhắm tới mục tiêu cuối cùng là Thiết lập cơ chế đảm bảo sự bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và thực hiện phân bổ công bằng các nguồn lực. Các chính sách kinh tế phải phù hợp

với thực tiễn, có tính khả thi, hạn chế tối đa những kẽ hở để các nhóm lợi ích có thể lợi dụng trục lợi. Nhà nước phải xây dựng được cơ chế hoạch định chính sách, ra quyết định minh bạch, khoa học. Cơ chế này phải tạo điều kiện thuận lợi cho đối thoại chính sách một cách thực chất. Nhà nước cần tách bạch giữa hoạch định chính sách và thực thi chính sách nhằm giảm thiểu khả năng lợi dụng chính sách, trục lợi từ chính sách, đồng thời thiết lập cơ chế giám sát chính sách và thực thi chính sách hữu hiệu. Cụ thể, phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Luật Phòng chống tham nhũng (PCTN), Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; sửa đổi Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Sửa đổi các quy định về quản lý đất đai, quản lý kinh tế, tài chính, ngân hàng, về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán..

Trong thực thi chính sách phải trọng tâm tăng cường hiệu lực của quản lý nhà nước, sử dụng tốt các công cụ điều hành vĩ mô như công cụ tài chính - tiền tệ nhằm tạo lập sự bình đẳng giữa các TPKT và góp phần phân phối công bằng giữa các thành phần/chủ thể kinh tế bằng. Cần tăng cường kiểm tra, thanh tra các lĩnh vực trọng điểm như quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý tài chính trong doanh nghiệp nhà nước; thu, chi ngân sách nhà nước; quản lý tài sản công. Cần xử lý nghiêm, kịp thời, công khai những vụ việc đã được phát hiện. Có biện pháp xử lý kiên quyết, nghiêm minh những người tham nhũng, đồng thời có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; biểu dương và nhân rộng những tấm gương cần, kiệm,

liêm, chính, chí công, vô tư.

*Thứ hai, các TPKT cần phải nâng cao ý thức về quyền và trách nhiệm của các chủ thể kinh tế trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Một mặt, các chủ thể kinh tế phải thực hành tốt trách nhiệm xã hội của mình, mặt khác, họ phải biết vận dụng các chính sách của Đảng và Nhà nước một cách đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân cũng như tổ chức của mình. Các chủ thể kinh tế phải tuân thủ đúng pháp luật, tẩy chay những hoạt động kinh tế không minh bạch, không chấp nhận những hành vi cạnh tranh không lành mạnh, thậm chí cả những hành vi những nhiễu của bộ máy công quyền, góp phần lành mạnh hóa môi trường kinh doanh.*

*Thứ ba, các hội nghề nghiệp với tư cách là đại diện cho tiếng nói của các chủ thể kinh tế có chức năng giám sát, cầu nối đối thoại giữa doanh nghiệp và chính phủ. Các hiệp hội cần đấu tranh đòi hỏi minh bạch thông tin, chính sách; giúp các chủ thể kinh tế tiếp cận nhanh hơn, bình đẳng hơn với các thông tin, chính sách của Đảng và Nhà nước. Các hiệp hội cần phải thực hiện tốt chức năng của mình như một kênh đối thoại để góp phần thúc đẩy dân chủ hóa trong kinh tế, từ đó nâng cao vai trò hỗ trợ, theo dõi, giám sát các hoạt động kinh tế và hoạt động điều hành của các cơ quan công quyền trong lĩnh vực kinh tế.*

## 6. Kết luận

Sự tác động tiêu cực của nhóm lợi ích đến nền kinh tế nói chung và đến thực hiện CBXH đối với các TPKT nói riêng là khá rõ ràng. Tuy nhiên, cần có nhiều nghiên cứu sâu hơn để chỉ ra cụ thể những sự tác động

đó. Đó là đòi hỏi cấp bách của thực tiễn đặt ra cho các ngành khoa học có liên quan.

## Tài liệu tham khảo

1. Chí Công, *Bị bắt, lãnh đạo BIDV: "Các anh bắt nhầm người"*, Báo Người đưa tin online, ngày 05 tháng 6 năm 2012, <http://www.nguoiduatin.vn/bi-bat-lanh-dao-bidv-cac-anh-bat-nham-nguoi-a44875.html>
2. Đặng Quang Định (2014), *Lợi ích nhóm với vấn đề tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí *Lý luận Chính trị*, số 2, tr.82 - 85.
3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2005), *Giáo trình Kinh tế học Chính trị Mác - Lênin (tái bản)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Mai Hoa (2013), "Kiểm soát lợi ích nhóm - tiếp cận từ góc độ giám sát quyền lực nhà nước".
5. Nguyễn Hữu Khiển (2011), "Nhóm lợi ích và vấn đề chống tham nhũng", Tạp chí *Triết học*, số 3.
6. Lê Quốc Lý (chủ biên) (2014), *Lợi ích nhóm - Thực trạng và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Mạnh, *Một số ý kiến về "lợi ích nhóm" ở Việt Nam hiện nay*, Hội thảo "Nhận diện lợi ích nhóm" tại Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, <http://noichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/201308/mot-so-y-kien-ve-loi-ich-nhom-o-viet-nam-hien-nay-291898/>
8. Phạm Xuân Nam (2007), "Về khái niệm công bằng xã hội", Tạp chí *Xã hội học* số 1 (97).
9. Hồ Bá Thâm (2011), *Bàn về mâu thuẫn xung đột lợi ích hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Phạm Thị Ngọc Trâm (chủ biên) (2009), *Những vấn đề lý luận cơ bản về công bằng xã hội trong điều kiện nước ta hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

